

**BÁO CÁO CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**  
**Quý I,II/2025**

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán NSNN năm 2025						Dự toán còn lại	Ghi chú
		Tổng số	Dự toán giao đầu năm (số đã trừ tiết kiệm)	Kinh phí chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025	Dự toán bổ sung trong năm	Số đã chi trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm		
1		3=4+5+6	4	5	6	7	8	9=3-8	10
	<b>Tổng cộng</b>	21,885,713	21,977,000	839,515	91,287	9,127,876	9,882,819	12,842,408,9	
1	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	19,680,000	19,820,000	-	140,000	9,127,876	9,127,876	10,552,124	
2	Kinh phí không thường xuyên	2,205,713	2,157,000	839,515	48,713	-	754,944	2,290,285	
2.1	Kinh phí mua sắm	473,000	526,000	-	53,000	-	-	473,000	
	Mua 45 bộ máy vi tính để bàn phòng học tin	473,000	526,000	-	53,000	-	-	473,000	
2.2	Kinh phí xây dựng, sửa chữa	900,000	1,000,000	839,515	100,000	-	-	1,739,515	
1	Sửa chữa nhà vệ sinh học sinh khu nhà bộ môn			839,515				839,515	
2	Sửa chữa đường bê tông, sân bóng đá	900,000	1,000,000	-	100,000	-	-	900,000	
2.3	Kinh phí đặc thù	832,713	631,000	-	201,713	-	754,944	77,770	
1	Duy trì phần mềm quản lý tài sản	3,000	3,000	-		-	-	3,000	
2	Kinh phí thi tốt nghiệp	201,713			201,713		201,713	-	
3	KP cấp bù miễn giảm học phí năm	31,000	31,000				18,487.5	12,513	
4	KP hỗ trợ chi phí học tập năm học	34,000	34,000				24,750	9,250	
5	Kinh phí hỗ trợ học sinh khuyết tật	63,000	63,000				28,080	34,920	
6	KP chi trả cho người dạy hs khuyết	500,000	500,000				481,913	18,087	

Người lập biểu

*[Signature]*

Bùi Thị Thu Huyền

Kế toán

*[Signature]*

Bùi Thị Thu Huyền

Yên Khánh, ngày 30 tháng 6 năm 2025

Phụ trưởng đơn vị

